

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN K

TỈNH NINH BÌNH

Số:02/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

K, ngày 07 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 59, 62 Luật HNGĐ; Điều 100 Luật Đất đai; Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1965; ĐKKHKT và trú tại: xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1973, ĐKKHKT và trú tại: xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tài sản chung đưa ra thoả thuận phân chia gồm:

- Đất thổ cư: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 51, tại xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; kích thước dài 18m, rộng 10m, diện tích 180m² đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 978868 ngày 17/03/2010 mang tên chủ sở hữu ông Bùi Văn S và bà Vũ Thị L. Trị giá **540.000.000đ** (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Đất nông nghiệp: liền thửa với đất ở nông thôn của ông S, bà L, Diện tích 540m². Trị giá: **25.380.000đ** (*Hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng*).

- Tổng giá trị tài sản chung đưa ra phân chia: **565.380.000đ** (*Năm trăm sáu lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng*).

- Các loại tài sản chung khác đôi bên tự thoả thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

2.2 Phương thức chia tài sản chung:

- Chia đôi tài sản chung bằng hiện vật tương đương mỗi bên được chia 282.690.000đ (*hai trăm tám hai triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng*).

- Phần đất thổ cư: diện tích 180m² đất ở nông thôn chia đôi, mỗi bên được sở hữu 1/2 quyền sử dụng đất ở nông thôn là 90m²; ông S sở hữu phần phía Bắc, bà L sử dụng phần phía Nam; hai phần đất cùng kích thước 5m chiều rộng phía Tây và phía Đông và 18m chiều dài phía Nam và phía Bắc.

Phần đất nông nghiệp phía sau thửa đất ở được chia (phía Đông hai bên sử dụng theo ranh giới phần đất ở đã chia kéo dài đến hết chiều dài thửa đất. Mỗi bên được sở hữu phần tài sản là nhà vật kiến trúc trong phần đất ở và đất nông nghiệp đã chia.

- Phần đất nông nghiệp liền kề: mỗi bên được quyền sử dụng 1/2 ; ông S sở hữu phần phía Nam, bà L sử dụng phần phía Bắc; mỗi phần đất có kích thước phần mặt đường phía Tây 6,86m, mặt phía Đông có kích thước 6,83m, kéo dài vào hết chiều dài thửa đất.

(Có sơ đồ thể hiện thỏa thuận phân chia đất kèm theo)

2.3 Án phí: ông Bùi Văn S, bà Vũ Thị L mỗi người phải nộp **7.067.000đ** (*bảy triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Ông S được khấu trừ vào số tiền 23.835.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2993 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K. Ông S được nhận lại **16.768.000đ** (*Mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thế Anh

(Đã đăng)